

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HSST

Ngày: 24/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Hữu Bình, nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.
2. Bà Nguyễn Thị Tường, nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyền Quang, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2020/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Âu Văn D**, sinh ngày 22/01/2003;

Nơi ĐKKH: Thôn Độc Vầu, xã Vân Sơn, huyện SD, tỉnh Tuyền Quang;

Nơi ở: Tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố TQ, tỉnh Tuyền Quang.

Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn lớp 10/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Âu Văn D, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; vợ; con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện của bị cáo: Ông Âu Văn Du, sinh năm 1975 (là bố đẻ của bị cáo). Địa chỉ: Thôn Độc Vầu, xã Vân Sơn, huyện SD, tỉnh Tuyền Quang, có mặt tại phiên tòa;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn V, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyền Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Ngọc Ch, sinh ngày 30/7/2003;

Địa chỉ: Tổ 06, phường An Tường, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện cho bị hại là ông Trần Ngọc G, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 06, phường An Tường, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Lương D, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ 08, phường Minh Xuân, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng tháng 10 năm 2019, Âu Văn D, sinh ngày 22/01/2003, cư trú tại tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, học lớp 10 A5 trường THPT Nguyễn Văn Huyền, địa chỉ tổ 13, phường An Tường, thành phố TQ thấy Trần Ngọc Ch, sinh ngày 30/7/2003, cư trú tại tổ 06, phường An Tường, thành phố TQ, (học lớp 11 B6 cùng trường) là người nhút nhát nên D nảy sinh ý định dọa nạt khiến Ch sợ mà phải đưa tiền cho D để chi tiêu cá nhân, D nhắn tin nói cần tiền có việc và yêu cầu Ch đưa tiền cho D, Ch nhắn lại không có tiền. Hôm sau D đến gặp Ch ở lớp học bảo Ch đưa 1.500.000 đồng, Ch nói chưa có tiền, D dùng tay nắm vào người Ch 03 đến 04 cái, rồi quay về lớp. Sau đó vào giờ nghỉ giải lao giữa các tiết học, D nhiều lần đến lớp học của Ch đe dọa, yêu cầu đưa tiền, nếu không sẽ đánh nhưng Ch không có tiền đưa cho D.

Sáng ngày 10/11/2019, D đến lớp 11 B6 gọi Ch ra hành lang hỏi “Mày có tiền chưa”, Ch nói chưa có, D dọa “Mày lại thích ăn đòn à” và D nói biết chỗ vay tiền, hẹn cuối buổi học đưa Ch đi vay tiền người quen để đưa cho D, sợ bị đánh nên Ch đồng ý.

Sau khi tan học, khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, D chờ Ch ở khu vực chân cầu thang tầng 1 của khu lớp học, còn Ch đi sang khu hành lang tòa nhà giáo viên định về nhà thì D chạy đến bảo “Định trốn về à”. Do sợ bị đánh nên Ch đi theo D ra cổng trường, D mượn xe gắn máy của bạn học là Phạm Thanh S, sinh năm 2003, cư trú tại tổ 5, phường Minh Xuân, thành phố TQ rồi chở Ch đến khu vực quán nước gần rạp Tháng Tám thuộc phường Minh Xuân, thành phố TQ để gặp Nguyễn Lương Duy, cư trú tại tổ 8, phường Minh Xuân, thành phố TQ vay tiền. Đến quán nước, Ch và D ngồi chờ khoảng 15 phút thì Duy đến, hỏi Ch “em vay tiền à”, Ch nói “vâng”, Ch viết giấy vay của Duy 2.000.000 đồng, Duy đưa cho Ch 1.800.000 đồng, giữ lại 200.000 đồng tiền lãi. Lúc này Nguyễn Trung Hiếu, sinh năm 2003, cư trú tại tổ 01, phường An Tường, thành phố TQ, chở Sơn đến chỗ D, Ch để lấy xe. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Hiếu chở Ch, Sơn chở D đi về. Trên đường đi đến khu vực khách sạn Mường Thanh, thuộc tổ 13,

phường Tân quang, thành phố TQ, Ch đưa cho D 1.500.000 đồng, số tiền trên D đã chi tiêu cá nhân hết.

Về dân sự: Ngày 04/6/2020, Âu Văn D đã bồi thường cho Trần Ngọc Ch số tiền 1.500.000 đồng, đầu tháng 12/2019 ông Trần Ngọc G, bố của Ch đã thay Ch trả cho ông Nguyễn Lương D số tiền 1.800.000 đồng. Ông G không yêu cầu Ch phải trả lại số tiền 1.800.000 đồng.

Từ nội dung trên, bản cáo trạng số 64/CT-VKSTP ngày 26/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Âu Văn D về tội cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Âu Văn D, phạm tội cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Âu Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong quá trình điều tra (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, đề nghị gì thêm) nên không đề cập giải quyết.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự, phạt tiền đối với bị cáo (Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự).

- Về án phí: Áp dụng điều 136; điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ông Hoàng Văn V người bào chữa cho bị cáo D đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo Âu Văn D với hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, không có thu nhập sống chủ yếu phụ thuộc vào gia đình.

Bị cáo, bị hại, người đại diện của bị cáo, người đại diện của bị hại, người bào chữa không tranh luận nội dung luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án, để bị cáo có cơ hội ở nhà chăm sóc bà ngoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, và

lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 10/2019 đến ngày 10/11/2019, tại trường THPT Nguyễn Văn Huyền, thuộc tổ 13, phường An Tường, thành phố TQ, Âu Văn D, sinh ngày 22/01/2003, nơi ĐKKH: Thôn Độc Vâu, xã Vân Sơn, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở: Tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang (học sinh lớp 10A5 trường THPT Nguyễn Văn Huyền) có lời nói, hành động đe dọa dùng vũ lực đánh Trần Ngọc Ch, sinh ngày 30/7/2003, cư trú tại tổ 6, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang (học sinh lớp 11B6 trường THPT Nguyễn Văn Huyền) mục đích để Ch sợ phải đưa tiền cho D. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/11/2019, tại khu vực khách sạn Mường Thanh, thuộc tổ 13, phường Tân Quang, thành phố TQ, D đã có hành vi cưỡng đoạt số tiền 1.500.000 đồng của Ch.

[2]. Hành vi của bị cáo Âu Văn D đã phạm vào tội Cưỡng đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong trường học, bị cáo là người có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, song do có lỗi sống buông thả, không chịu tu dưỡng bản thân, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đến cùng, do vậy cần xét xử mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại và người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ mức án cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để Hội đồng xét xử áp dụng mức án đối với bị cáo cho phù hợp. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐPT ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cho bị cáo hưởng án treo nhưng chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú. Như vậy cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Trần Ngọc Ch và Nguyễn Lương D đã nhận lại tài sản, ông Trần Ngọc G (Bố Ch) không yêu cầu Ch bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện của bị cáo, người đại diện của bị hại, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an thành phố TQ. Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố TQ, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, bị hại, người đại diện, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Nguyễn Lương D cho một số người vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên, số tiền thu lời dưới 30.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của D không cấu thành tội phạm nên không xem xét, xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Âu Văn D, phạm tội Cường đoạt tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Âu Văn D, 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Âu Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Hưng Thành, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho bị cáo hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 61, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại; người đại diện của bị cáo, người đại diện của bị hại; người bào chữa cho người bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS tỉnh, VKS TP. TQ;
- Công an TP .TQ;
- CCTHADS TP .TQ;
- Người tham gia tố tụng;
- THA hình sự;
- Hồ sơ hình sự;
- Lưu Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà.

Nguyễn Đức Nam